

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƯ THANH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/6/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Thế Hà

2. Bà Lê Thị Giang

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Anh Lê Quang T** - Sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: số 07/59, đường L, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Vắng mặt.

**\* Bị đơn: Chị Đoàn Thị N** - Sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: số 135/25/9, đường P, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh  
Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai gửi Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T, nguyên đơn là anh Lê Quang T trình bày:

*Về hôn nhân:* Anh và chị Đoàn Thị N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/6/2011. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015. Nguyên nhân vợ chồng và sinh sống không gần nhau và cũng ít gặp nhau nên tình cảm ngày càng xa cách. Anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N được ly hôn.

*Về con chung:* Anh và chị N có 01 con chung là Lê Thị T - Sinh ngày 17/6/2012, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T. Tuy nhiên, ngày 27/5/2021 anh T đã có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó, anh đề nghị chị N trực tiếp nuôi cháu T.

*Về tài sản và công nợ:* Anh Lê Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Lê Quang T còn nộp cho Tòa án nhân dân huyện G các tài liệu, chứng cứ gồm: Trích lục kết hôn; Trích lục khai sinh cháu Lê Thị T; Giấy chứng minh nhân dân của anh, của chị N và sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực); Giấy xin xác nhận chị N đang sinh sống và làm việc tại Ấp 6, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Khi Tòa án nhân dân huyện Như Thanh giải quyết, anh T đã nộp Đơn yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt...

*\* Quá trình giải quyết vụ án:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Công đã tổng đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị Đoàn Thị N. Tuy nhiên, sau đó chị N cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xác minh và xác định chị N không thường xuyên sinh sống tại Ấp 6, xã G, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân huyện G đã chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa - nơi chị N đăng ký hộ khẩu thường trú để giải quyết. Quá trình xác minh thể hiện chị N đã đi khỏi địa phương xã Y, huyện N từ năm 2016 nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh yêu cầu anh T cung cấp địa chỉ mới của bị đơn. Do anh T không cung cấp được địa chỉ của chị N nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Không đồng ý với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Như Thanh nên anh T đã làm đơn kháng cáo. Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo số 53/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 12/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa cho rằng: Nguyên đơn đã cung cấp đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn; bị đơn đã biết việc nguyên đơn khởi kiện nhưng cố tình giấu địa chỉ; do đó Tòa án nhân dân huyện Như Thanh đình chỉ giải quyết vụ án là chưa chính xác. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã chấp nhận kháng cáo, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 08/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Như Thanh để tiếp tục giải quyết.

\* Sau khi Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý lại vụ án, bị đơn là chị Đoàn Thị N đã có mặt tại Tòa án nhân dân huyện Như Thanh và trình bày ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Như Thanh giải quyết vụ án
- Về hôn nhân: Cơ sở kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng đúng như lời trình bày của anh T. Xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn anh T.
- Về con chung: Chị công nhận lời trình bày của anh T về số con chung của vợ chồng. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Lê Thị T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.
- Về tài sản và công nợ: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo văn bản về ý kiến của bị đơn, chị N đã nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt

\* *Tại bản tự khai* ngày 20/5/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2019, cháu Lê Thị T trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Đoàn Thị N.

\* *Tại phiên tòa*: Anh Lê Quang T và chị Đoàn Thị N đều có đơn xin xử vắng mặt.

**Phản tranh luận:** Không ai có ý kiến tranh luận.

\* *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Lê Quang T về việc ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, xử cho anh T được ly hôn chị N; chị N được nuôi con chung, không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Về án phí, đề nghị buộc anh Lê Quang T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; các đương sự đều yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Như Thanh giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Lê Quang T và chị Đoàn Thị N đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1,

điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Đoàn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/6/2011. Vì vậy, hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn; anh T đã gửi nộp đơn ly hôn từ năm 2019 ở nhiều Tòa án khác nhau để đề nghị được ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng; việc anh chị sống ly thân từ năm 2016 đến nay, chứng tỏ đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên vọng của chị N cũng đồng ý ly hôn anh T. Vì vậy, nghĩ nên cho anh chị được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Xét nguyên vọng của anh T và chị N về trách nhiệm nuôi con chung, thấy rằng: Chị N đang trực tiếp nuôi cháu Lê Thị T. Nguyên vọng của anh T để chị N trực tiếp nuôi cháu T cũng phù hợp với nguyên vọng của chị N và cháu T. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Lê Thị T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T và chị N đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[5] Về tài sản và công nợ: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Anh Lê Quang T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang T, cụ thể như sau:

*Về hôn nhân:* Xử cho anh Lê Quang T được ly hôn chị Đoàn Thị N.

*Về con chung:* Giao cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi con chung của chị và anh T là cháu Lê Thị T, sinh ngày 17/6/2012; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

*Về án phí:* Anh Lê Quang T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí anh T phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo biên lai số 46914 ngày 28/6/2019. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã Y;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Chi cục THA DS huyện G, Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Lê Đình Huy***